

Hướng dẫn tính ngày công và phí chứng nhận sản phẩm

1. MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn này đưa ra các căn cứ tính số ngày công và tính phí đánh giá đối với các cuộc đánh giá chứng nhận sản phẩm của Trung tâm Giám định-Chứng nhận sản phẩm Viện Nghiên cứu Dệt May.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng với tất cả các hoạt động xác định thời gian đánh giá để lên kế hoạch đánh giá và tính phí đánh giá.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17065: 2013
- IAF MD5:2015

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp quy viện dẫn hoặc tham chiếu trong tài liệu này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

4. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

- **Thời gian đánh giá** cho tất cả loại hình đánh giá là thời gian hiệu quả đo được cho một ngày của đánh giá viên cần có để thực hiện hoạt động đánh giá (bao gồm thời gian đánh giá tại khách hàng, thời gian lập kế hoạch, xem xét tài liệu và viết báo cáo).

- **Ngày công đánh giá** là thời gian thường kéo dài 8h và có thể hoặc không bao gồm thời gian di chuyển hoặc thời gian ăn trưa phụ thuộc vào luật địa phương.

- **Số nhân viên chính thức** bao gồm nhân viên làm toàn thời gian liên quan trong phạm vi chứng nhận bao gồm cả việc làm ở mỗi ca. Nhân viên làm việc không lâu dài (theo mùa vụ, tạm thời và làm hợp đồng có thời hạn) và làm bán thời gian sẽ không được tính số lượng trong thời gian đánh giá.

5. NỘI DUNG

5.1 Phương pháp tính thời gian đánh giá chứng nhận sản phẩm theo phương thức 5

5.1.1 Phương pháp tính thời gian

- Số ngày công đánh giá có thể phụ thuộc vào các yếu tố như: số lượng nhân viên; số dòng sản phẩm; sản lượng; số lượng dây chuyền/nhà máy sản xuất... Các yếu tố giảm số ngày công đánh giá phụ thuộc vào một hoặc các điều kiện sau: khách hàng đã có hệ thống quản lý chất lượng còn hiệu lực được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận được thừa nhận; Sản phẩm được đánh giá có các chứng nhận về chất lượng, an toàn tương đương còn hiệu lực từ Tổ chức chứng nhận được thừa nhận; Độ phức tạp của quy trình sản xuất...

- Cơ sở tính thời gian đánh giá của cuộc đánh giá ban đầu (GD1 + GD2) được tính dựa trên số lượng nhân viên theo bảng chuyển đổi 1. Các bảng chuyển đổi dựa trên số nhân viên chính thức và thời gian đánh giá này phụ thuộc vào một số yếu tố khác sẽ được mô tả ở bảng 2.

5.1.2 Thời gian đánh giá ban đầu

Thời gian đánh giá liên quan đến lập kế hoạch, chuẩn bị và báo cáo bằng văn bản không được quá 20% tổng số thời gian được tính theo bảng QMS 1. Trường hợp bổ sung thời gian cho việc lập kế hoạch, viết báo cáo thì thời gian này cũng không được điều chỉnh để làm giảm thời gian đánh giá tại chỗ.

Thời gian đánh giá chứng nhận có thể bao gồm cả kỹ thuật đánh giá từ xa như thông qua các công cụ tương tác từ xa thích hợp. Các hoạt động đánh giá này phải được thể hiện rõ trong kế hoạch đánh giá và thời gian cho phương pháp đánh giá được tính vào tổng thời gian đánh giá tại chỗ.

Lưu ý:

- Thời gian đánh giá tại chỗ sẽ liên quan đến thời gian đánh giá cho từng địa điểm riêng. Đánh giá điện tử của các địa điểm xa được xem xét để điều khiển các cuộc đánh giá, thậm chí đánh giá điện tử được thực hiện tự nhiên trên cơ sở của tổ chức.
- Bất kể việc kỹ thuật đánh giá điện tử được sử dụng thì khách hàng phải được đến đánh giá hàng năm.
- Với những công ty đang duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương (giấy chứng nhận còn hiệu lực) thì ngày công có thể chỉ căn cứ trên sản lượng sản phẩm nhưng không được ít hơn một manday.
- Với những công ty đang duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương (giấy chứng nhận hết hiệu lực) thì ngày công có thể bằng cách tính thống thường như mục 5.9 dưới đây trừ đi 1 nhưng không được ít hơn một manday

5.1.3 Đánh giá giám sát

Thời gian đánh giá giám sát sẽ được tính trên cơ sở thông tin cập nhật của khách hàng và thông thường khoảng 2/3 thời gian được yêu cầu cho cuộc đánh giá lần đầu của tổ chức.

5.1.4 Chu kỳ chứng nhận sau

Thời gian thực hiện đánh giá chứng nhận cho chu kỳ tiếp theo sẽ được tính trên cơ sở thông tin cập nhật của khách hàng và sẽ tương đương với thời gian đánh giá chứng nhận lần đầu tiên nếu không có thay đổi nhiều về quy mô, chủng loại sản phẩm, hệ thống quản lý chất lượng của khách hàng.

5.1.5 Các nhân tố ảnh hưởng tới thời gian đánh giá

Các nhân tố bổ sung sau đây là cần thiết để được xem xét (tuy nhiên có những nhân tố không được mô tả hết ở đây):

A. Tăng thời gian đánh giá

- Hoạt động phụ trợ phức tạp liên quan nhiều địa điểm
- Người lao động đến từ các quốc gia khác nhau và sử dụng nhiều ngôn ngữ
- Nhân viên làm việc trong một địa điểm rất lớn (ví dụ: Kiểm lâm)
- Mức độ yêu cầu của luật cao (vd: Hàng không, thực phẩm, dược..)
- Các hoạt động mà yêu cầu đến đánh giá các địa điểm tạm thời để xác nhận các hoạt động của địa điểm cố định mà hệ thống quản lý được mô tả trong chứng chỉ.

B. Giảm thời gian đánh giá

- Khách hàng không có hoạt động “Thiết kế” hoặc một điều khoản được loại trừ không phải áp dụng.
- Các sản phẩm và quá trình có rủi ro thấp
- Địa điểm làm việc tập trung và nhỏ.
- Mức độ thành thạo của việc áp dụng Hệ thống
- Đánh giá kết hợp một hệ thống tích hợp của hai hoặc nhiều hệ thống quản lý.
- Sự hiểu biết trước đó đối với hệ thống quản lý của khách hàng (vd đã được chứng nhận một tiêu chuẩn khác bởi tổ chức chứng nhận khác như thế)
- Các hoạt động có độ phức tạp thấp
- Các quá trình liên quan đến các hoạt động có đặc điểm chung (vd dịch vụ)

Hướng dẫn tính ngày công và phí chứng nhận sản phẩm

- Các hoạt động giống nhau được thực hiện ở tất cả các ca với bằng chứng thích hợp của việc thực hiện tương đương với tất cả các ca dựa vào cuộc đánh giá trước đó (nội bộ và đánh giá chứng nhận)
- Nhân viên thực hiện cùng một chức năng giống nhau

Tất cả các thuộc tính của hệ thống khách hàng, quá trình, sản phẩm và dịch vụ được xem xét và điều chỉnh hợp lý phù hợp cho các yếu tố mà có thể lý giải đối với thời gian đánh giá tăng hoặc giảm để cuộc đánh giá được hiệu quả. Các yếu tố bổ sung có thể được bù đắp bởi các yếu tố giảm bớt.

5.1.6 Bảng tính thời gian đánh giá theo PT5

Bảng 1 chỉ cung cấp thông tin cơ sở cho ước lượng thời gian của một cuộc đánh giá ban đầu (Giai đoạn 1 + giai đoạn 2). Trong trường chuyên gia muốn giảm trừ thời gian đánh giá tại chỗ thì có thể căn cứ dựa trên bảng 2 & 3 để giảm theo nguyên tắc sau:

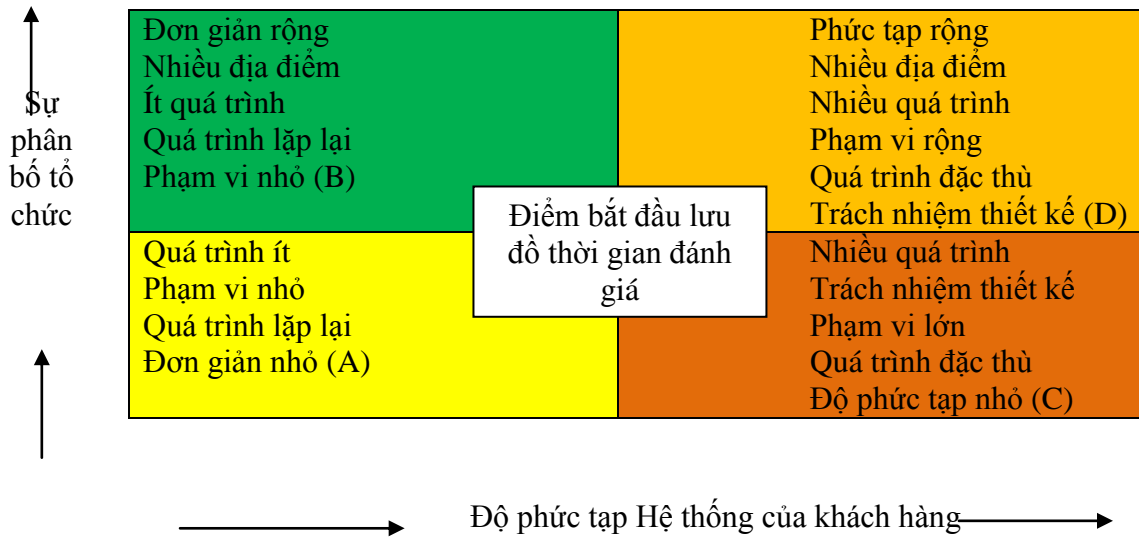
Bảng 1. Bảng tính thời gian đánh giá (manday)

Số nhân viên chính thức	Thời gian đánh giá GD 1 + GD 2 (ngày)	Số nhân viên chính thức	Thời gian đánh giá GD 1 + GD 2 (ngày)
1-5	1.5	625-875	12
6-10	2	876-1175	13
11-15	2.5	1176-1550	14
16-25	3	1551-2025	15
26-45	4	2026-2675	16
46-65	5	2676-3450	17
66-85	6	3451-4350	18
86-125	7	4351-5450	19
126-175	8	5451-6800	20
176-275	9	6801-8500	21
276-425	10	8501-10700	22
426-625	11	>10700	Theo lũy tiến trên

Bảng 2. Hệ số chuyển đổi cho các vùng trong bảng QMS:

Vùng	Hệ số chuyển đổi
A	0.25
B	0.5
C	0.75
D	1

Bảng 3 – Mối quan hệ giữa độ phức tạp và thời gian đánh giá



Số ngày công đánh giá MD được xác định theo công thức sau:

$$MD = N(MI * R)$$

Trong đó:

M1 là ngày công tra theo bảng 1, Trường hợp đơn vị được chứng nhận có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo ISO đang còn hiệu lực thì *M1* sẽ được tính bằng ngày công tra theo bảng 1 trừ đi 1 nhưng không ít hơn 0,5 manday.

R: hệ số tra qui đổi dựa trên lựa chọn ở bảng 3 để tra theo bảng 1

N là làm tròn đến 0,5 (ví dụ nếu $M1 \times R = 1.2$ thì làm tròn thành 1,5. Nếu $M1 \times R = 1.76$ thì làm tròn thành 2).

Số ngày công đánh giá phụ thuộc vào: số lượng nhân viên; số dòng sản phẩm; sản lượng. Tuy nhiên ngày công thực tế khi đánh giá tại cơ sở có thể giám so với tính toán theo bảng và công thức trên. Các yếu tố giảm số ngày công đánh giá phụ thuộc vào khách hàng đã có hệ thống quản lý chất lượng chưa, độ phức tạp của quy trình sản xuất, của cơ cấu sản phẩm, thời gian chứng chỉ chứng nhận hệ thống chất lượng còn hiệu lực.

Trường hợp sản phẩm đánh giá chứng nhận thường xuyên chỉ chiếm <10% sản lượng sản xuất của nhà máy và không thể tách riêng khu vực/nhân lực với các dòng sản phẩm khác không thuộc lĩnh vực đánh giá thì phần số lượng nhân viên cho tính công sẽ được tính tương đương với tỷ lệ sản lượng của sản phẩm được chứng nhận.

5.2 Phương pháp tính thời gian đánh giá chứng nhận sản phẩm theo phương thức 7

$$MD = M1.k.n$$

M1 là ngày công tra theo bảng số 4

K: hệ số khối lượng lô

N: Số địa điểm lấy mẫu

Bảng 4: Bảng tính thời gian đánh giá PT7 (manday)

Chủng loại sản phẩm trong lô (tính cho 1 địa điểm lấy mẫu)	M1	Chủng loại sản phẩm trong lô (tính cho 1 địa điểm lấy mẫu)	M1
2-8	0.5	151-280	1.5
9-15	0.5	281-500	1.5
16-25	0.5	501-1200	2
25-50	1	1201-3200	2.5
51-90	1	3201-10000	2.5
91-150	1		

Bảng 5: hệ số khối lượng lô

<i>Đơn vị sản phẩm cho mỗi chủng loại trong lô hàng</i>	<i>k</i>	<i>Đơn vị sản phẩm cho mỗi chủng loại trong lô hàng</i>	<i>k</i>
≤ 10	0.25	$> 500 \leq 10000$	0.75
$< 10 \leq 500$	0.5	> 10000	1

5.3 Tính phí chứng nhận

Phí chứng nhận sẽ được tính căn cứ trên số manday và các chi phí liên quan khác tại thời điểm đánh giá như phí đi lại, ăn ở của chuyên gia, phí thử nghiệm; phí xem xét tài liệu, thẩm xét....Biểu phí chứng nhận sẽ được lãnh đạo xem xét định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu./.